



GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO TRÌ
CERTIFICATE OF MAINTENANCE

Ngày/ Date:

Số/ N^o: A1075203543

Trang/ Page: 1/2



1. Phương tiện đo/ Object: **NHIỆT ẨM KẾ IOT/ IOT THERMOHYGROMETER**

2. Hãng sản xuất/ Manufacturer: **AoV**

3. Kiểu/ Model: **VA02**

Số nhận dạng/ ID: **543**

4. Số hiệu/ SN: **1A867520**

5. Đặc trưng kỹ thuật/ Specification:

+ Độ phân giải độ ẩm/ Resolution: **0,1 %RH**

+ Độ phân giải nhiệt độ/ Resolution: **0,1 °C**

+ Loại nhiệt ẩm kế/ Type: **Digital**

6. Khách hàng/ Customer: **CÔNG TY TNHH ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VIỆT NAM**

7. Địa chỉ/ Address: **Tầng 4, 130 Nguyễn Đức Cảnh, Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội**

8. Nơi bảo trì/ Place of maintenance: **Phòng hiệu chuẩn 1**

9. Địa chỉ/ Address: **Tầng 4, 130 Nguyễn Đức Cảnh, Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội**

10. Phương pháp bảo trì/ - Maintenance method: **A-00 - /**

11. Chuẩn sử dụng/ Standards Used:

Chuẩn/ Standards	Mã nhận dạng/ ID	Liên kết chuẩn/ Traceable to	Hiệu lực đến/ Due date
Nhiệt ẩm kế IOT / IOT Thermohygrometer	TB-543	AoV	07/2024

12. Môi trường bảo trì/ maintenance environment:

Nhiệt độ/ Temperature: **[22,2 ÷ 22,4] °C**

Độ ẩm/ Humidity: **[65,0 ÷ 65,7] %RH**

13. Ngày bảo trì/ Date of maintenance: **31/01/2024**

14. Ngày bảo trì lại theo yêu cầu của khách hàng/
Remaintenance date as request of customer: **31/01/2025**

15. Tem bảo trì/ maintenance label: **A543**

- Kết quả bảo trì ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được bảo trì trên đây.
The maintenance results in this certificate are applicable to the above maintenance instrument only.
- Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của AoV.
This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of AoV.
- Tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
Name of customer is written as customer's request.



GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO TRÌ
CERTIFICATE OF MAINTENANCE

Ngày/ Date:

Số/ N^o: A1075203543

Trang/ Page: 2/2



KẾT QUẢ BẢO TRÌ/
RESULTS OF MAINTENANCE

⁽¹⁾: Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số mở rộng $k = 2$, mức tin cậy $P = 0,95$ /
Expanded uncertainty of measurement is stated as standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k=2$, which for a normal distribution corresponds to a probability of approximately 95%.

1. Nội dung bảo trì/ Content maintenance

- Kiểm tra thiết bị trước bảo trì/ Test before maintenance:

- Thiết bị hiển thị, hoạt động bình thường/ Device display, normal operation.

- Kiểm tra bên ngoài/ Check outside:

- Thông tin thiết bị đầy đủ, rõ ràng/ Full and clear device information.

- Kiểm tra kỹ thuật/ Technical inspection:

- Hệ thống phím bấm, hiển thị hoạt động bình thường/ Key system, display works normally.

- Thực hiện bảo trì/ Perform:

+ Bảo trì bên ngoài thiết bị/ External maintenance of equipment

- Vệ sinh nắp đậy phía trên thiết bị/ Clean the top cover of the device.
- Vệ sinh thân thiết bị, làm sạch bề mặt sau lưng của thiết bị/ Clean the device body, clean the back surface of the device.
- Kiểm tra, vệ sinh các vị trí tiếp xúc như: chỗ tiếp xúc pin, đầu dò .../ Check and clean contact positions such as battery contacts, probes...
- Kiểm tra, vệ sinh màn hình hiển thị/ Check and clean the display screen.

+ Bảo trì bên trong khoang làm việc/ Maintenance inside the working compartment:

- Kiểm tra, vệ sinh hệ thống hiển thị của thiết bị/ Check and clean the display system of the device.

- Kiểm tra sau bảo trì/ Test after maintenance:

- Đặt thiết bị ghi nhiệt độ, độ ẩm vào tủ tạo nhiệt ẩm chuẩn/ Put the temperature and humidity recording device in the standard humidification cabinet
- Cài đặt nhiệt độ, độ ẩm cần kiểm tra/ Temperature and humidity setting to be checked.
- Vận hành tủ, đợi nhiệt ẩm kế hoạt động ổn định/ Cabinet operation, wait for thermal hydrometer is stable.
- Tiến hành ghi số liệu sau bảo trì/ Record data after maintenance.

Điểm hiệu chuẩn/ Calibration
point
25°C
60%

Giá trị chuẩn/
Reference value
25.02
60.01

Giá trị chỉ thị/
Indication value
25,0
60,1

2. Kết luận sau khi bảo trì/ Concluded after maintenance:

- Thiết bị hoạt động bình thường/ The device works normally.

--- Hết/ End ---

- Kết quả bảo trì ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được bảo trì trên đây.
The maintenance results in this certificate are applicable to the above maintenance instrument only.
- Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của AoV.
This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of AoV.
- Tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
Name of customer is written as customer's request.